

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CAO HỒI VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CAO HỒI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HDL VIETNAM HIGH TECH JOINSTOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HDL VIETNAM HI-TECH.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108252669

3. Ngày thành lập: 02/05/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

số 4 ngõ 29/70/20 đường Khương Hạ, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0972916663

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất rượu vang	1102
2.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
3.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
4.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
5.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
6.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
7.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
8.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: - Sản xuất thiết bị hàn điện - Sản xuất máy đổi điện, chuyển dòng điện	2790
9.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
10.	Sản xuất máy luyện kim	2823
11.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
12.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
13.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
14.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
15.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
16.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
17.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
18.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
19.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
20.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

21.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
22.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
23.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
24.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710(Chính)
25.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
26.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
27.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
28.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
29.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
30.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
31.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
32.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
33.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
34.	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	3092
35.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan Trừ sản xuất vàng miếng	3212
36.	Sản xuất nhạc cụ	3220
37.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
38.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
39.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
40.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
41.	Xây dựng nhà các loại	4100
42.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
43.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
44.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
45.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
46.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
47.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
48.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
49.	Đại lý, môi giới, đấu giá Trừ hoạt động đấu giá	4610
50.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
51.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
52.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
53.	Sản xuất vải dệt thoi	1312

54.	In ấn	1811
55.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
56.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
57.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
58.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
59.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
60.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
61.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
62.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
63.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
64.	Bán mô tô, xe máy	4541
65.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
66.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
67.	Phá dỡ	4311
68.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
69.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
70.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
71.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4511
72.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
73.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
74.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
75.	Sản xuất đường	1072
76.	Bán buôn thực phẩm	4632
77.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
78.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	4649
79.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
80.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
81.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
82.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
83.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

84.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
85.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
86.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
87.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
88.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
89.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
90.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
91.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
92.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
93.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
94.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
95.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
96.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
97.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
98.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
99.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
100.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
101.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
102.	Bốc xếp hàng hóa	5224
103.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
104.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
105.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
106.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng	2829
107.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
108.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
109.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan Trừ sản xuất vàng miếng	3211
110.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
111.	Sản xuất sợi	1311
112.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
113.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610

114.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
115.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
116.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
117.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Sản xuất điện	3510
118.	Sao chép bản ghi các loại	1820
119.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
120.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
121.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
122.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
123.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
124.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
125.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
126.	Đúc sắt, thép	2431
127.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
128.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
129.	Sản xuất xe có động cơ	2910
130.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
131.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
132.	Bán buôn gạo	4631
133.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
134.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
135.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
136.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
137.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
138.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
139.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
140.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
141.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
142.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
143.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
144.	Sản xuất đồng hồ	2652
145.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
146.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
147.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
148.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040

149.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
150.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
151.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
152.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
153.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
154.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
155.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
156.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
157.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
158.	Dịch vụ đóng gói	8292
159.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
160.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
161.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
162.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
163.	Sản xuất giày dép	1520
164.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
165.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
166.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
167.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
168.	Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí	3012
169.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
170.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
171.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
172.	Cho thuê xe có động cơ	7710
173.	(đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp cam kết chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 2.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐOÀN VĂN NĂNG	đội 13 xóm Quý Trại, Xã Trục Hưng, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	80.000	800.000.000	32,000	036089004916	
			Tổng số	80.000	800.000.000	32,000		
2	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	số 45/315H đường Phan Huy Ích, Phường 12, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	80.000	800.000.000	32,000	025526714	
			Tổng số	80.000	800.000.000	32,000		
3	LÊ ĐÌNH HÙNG	Xóm Hồng Lĩnh, Xã Hùng Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	36,000	186755241	
			Tổng số	90.000	900.000.000	36,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ ĐÌNH HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 10/07/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 186755241

Ngày cấp: 06/12/2017

Nơi cấp: công an tỉnh Nghệ An

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm Hồng Lĩnh, Xã Hùng Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 6 ngách 99/115 ngõ 99 phố Định Công Hạ, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội